

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2025/DS-ST
Ngày: 08 - 9 - 2025
V/v: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Đăng Tuấn;
2. Ông Lưu Xuân Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 47/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025, về việc: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-DS, ngày 08 tháng 8 năm 2025; Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 22/2025/TB-TA, ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C; Địa chỉ: Số A, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Đặng V – Phó giám đốc phòng C (theo văn bản số 184/UQ-NHCS.TL ngày 29/7/2025). Địa chỉ: Số A P, khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn L, xã T, tỉnh Lâm Đồng). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1989 và bà Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 1989, cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Trên cơ sở danh sách đề nghị cho vay vốn theo chương trình Thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 25/10/2016, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thùy T1 trú tại thôn B, xã Đ vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Theo khế ước số 6600000708834626, lãi suất 0,75%/tháng, thời hạn cho vay 60 tháng, thời hạn trả nợ ngày 12/10/2021. Đến thời hạn trả nợ, hộ vay ông H, bà T1 gặp khó khăn do dịch bệnh Covid kéo dài làm gián đoạn quá trình sản xuất kinh doanh nên xin gia hạn thời hạn trả nợ gốc 50.000.000 đồng từ ngày 20/10/2021 đến ngày 20/10/2023. Tuy nhiên hết thời hạn gia hạn khế ước vay thì ông H, bà T1 đã không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi theo quy định. Ngân hàng C đã phối hợp với tổ chức uỷ thác cho vay là Hội cựu chiến binh xã Đ, huyện T thực hiện nhiều biện pháp thu hồi nợ nhưng ông H, bà T1 vẫn không thực hiện.

Hiện nay Ngân hàng C yêu cầu ông H, bà T1 phải liên đới trả số tiền nợ vay là 74.067.823 đồng, trong đó 50.000.000 đồng tiền nợ gốc và 24.067.823 đồng tiền nợ lãi.

2/ Bị đơn – ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thùy T1: Quá trình giải quyết vụ án, xác minh ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thùy T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng). Tuy nhiên ông H, bà T1 không thường xuyên có mặt tại địa phương do đã bỏ đi làm ăn xa. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông H, bà T1 theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông H, bà T1 không chấp hành lên Tòa án làm việc để trình bày ý kiến, tham gia hòa giải cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Do đó, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thùy T1 không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

3/ Các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án:

- Chứng cứ mà nguyên đơn – N cung cấp gồm: 01 bản sao sổ vay vốn của người vay Nguyễn Văn H, 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn H, 01 bản sao giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, 01 bản sao giấy đề nghị gia hạn nợ, 01 bản sao giấy uỷ quyền, 01 bản sao danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng C, một tờ rời theo dõi vay, thu nợ, dư nợ.

- Chứng cứ bị đơn – ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thùy T1 cung cấp: không có.

- Chứng cứ Toà án thu thập: Bản tự khai, biên bản xác minh, biên bản công khai chứng cứ; biên bản hoà giải.

Những tình tiết mà các đương sự thống nhất với nhau: Không có.

Những tình tiết mà các đương sự chưa thống nhất với nhau:

- + Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng là 74.067.823 đồng, trong đó 50.000.000 đồng tiền nợ gốc và 24.067.823 đồng tiền nợ lãi.

- + Bị đơn không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử;

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đủ về quyền và nghĩa vụ đương sự theo Bộ luật dân sự tố tụng dân sự; bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 146, 147, 157, 165, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án; các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng C: Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thùy T1 phải liên đới trả cho N số tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định.

Về án phí: Ông H, bà T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ theo hợp đồng tín dụng. Ngoài yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các đương sự trong vụ án không còn yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố

tụng dân sự, khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng C.

Căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thể hiện: Hộ ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thùy T1 là hộ kinh doanh được xét duyệt cho vay vốn theo chương trình thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn của Ngân hàng C. Ngày 26/10/2016, Ngân hàng C thông qua phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C đã giải ngân cho ông H, bà T1 vay số tiền 50.000.000 đồng. Theo khế ước số 6600000708834626 thì thời hạn vay là 05 năm, định kỳ trả nợ gốc là 12 tháng, số tiền gốc phải trả mỗi kỳ là 10.000.000 đồng, ngày trả nợ cuối cùng là 12/10/2021. Đến thời hạn trả nợ, hộ vay ông H, bà T1 gặp khó khăn do dịch bệnh Covid kéo dài làm gián đoạn quá trình sản xuất kinh doanh nên xin gia hạn thời hạn trả nợ gốc 50.000.000 đồng từ ngày 20/10/2021 đến ngày 20/10/2023. Đến thời hạn trả nợ, ông H, bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng C theo cam kết. Do đó ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tại khế ước vay số 6600000708834626. Từ ngày 20/10/2023, khoản nợ này đã chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy đối với yêu cầu của Ngân hàng C hiện nay buộc bị đơn ông H, bà T1 phải thanh toán số nợ gốc và lãi là 74.067.823 đồng, trong đó nợ gốc 50.000.000 đồng và nợ lãi 24.067.823 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 100 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng nên cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng C được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thùy T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, Điều 203, khoản 1 Điều 228; Điều 235, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án;
- Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực;
- Điều 100 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C về việc buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thùy T1 phải trả tiền nợ vay.

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thùy T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền 74.067.823 đồng (Bảy mươi bốn triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn tám trăm hai mươi ba đồng), trong đó 50.000.000 đồng tiền nợ gốc và 24.067.823 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày 9/9/2025, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thùy T1 phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng C theo khế ước vay số 6600000708834626.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Thùy T1 phải có trách nhiệm liên đới nộp 3.703.000 đồng (Ba triệu bảy trăm linh ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 16 – Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mận